

**NGHỊ QUYẾT**

**Về quy định mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh về quy định mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-HĐND ngày 25/3/2020 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Long An lập thành tích tại các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh, cụ thể như sau:

**1. Đối với giải cấp tỉnh**

a) Vận động viên thể thao của các huyện, thị xã, thành phố và sở, ngành trong tỉnh khi đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao tỉnh, giải vô địch tỉnh được thưởng theo mức như sau:

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng;
- Huy chương bạc: 1.200.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng.

b) Vận động viên đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại giải vô địch trẻ tỉnh được thưởng theo mức như sau:

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này;

d) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên có mức tiền thưởng cao nhất tại giải cấp tỉnh;

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển huyện, thị xã, thành phố thi đấu lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao của tỉnh có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

+ Các môn tập thể có từ 05 vận động viên trở xuống: 01 huấn luyện viên;

+ Các môn tập thể có từ 06 đến 14 vận động viên: 02 huấn luyện viên;

+ Các môn tập thể từ 15 vận động viên trở lên: 03 huấn luyện viên.

- Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển huyện được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển huyện hưởng 40%.

đ) Kinh phí chi trả cho các huấn luyện viên quy định tại điểm d khoản 1 điều này do ngân sách huyện, thị xã, thành phố chi trả.

## **2. Đối với giải cấp huyện**

a) Vận động viên thể thao của các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, ngành thuộc huyện, thị xã, thành phố khi đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao, giải vô địch, giải vô địch trẻ huyện, thị xã, thành phố được thưởng theo mức không quá 70% mức thưởng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tối đa không quá 70% mức thưởng quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

c) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các Đại hội Thể dục thể thao, giải vô địch, giải vô địch trẻ huyện, thị xã, thành phố có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên có mức tiền thưởng cao nhất tại giải cấp huyện, thị xã, thành phố;

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển xã, phường, thị trấn... thi đấu lập thành tích trong các Đại hội thể thao, giải vô địch, giải vô địch trẻ huyện, thị xã, thành phố có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau:

- + Các môn tập thể có từ 05 vận động viên trở xuống: 01 huấn luyện viên;
- + Các môn tập thể có từ 06 đến 14 vận động viên: 02 huấn luyện viên;
- + Các môn tập thể từ 15 vận động viên trở lên: 03 huấn luyện viên.

Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển xã, phường, thị trấn... được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển xã, phường, thị trấn... được hưởng 40%.

d) Kinh phí chi trả cho các huấn luyện viên quy định tại điểm c khoản 2 Điều này do ngân sách xã chi trả.

**3. Nguồn kinh phí thực hiện:** Dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 13/4/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 23/4/2020./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài Chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc Văn phòng (Phòng CT. HĐND tỉnh - 02b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT; (Ph). (15)

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Rạng**